TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUẢNG XƯƠNG** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V1ỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2023/HS-ST
Ngày: 31- 8 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG XƯƠNG, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Thu Thủy
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Thúy
Bà Trịnh Thị Phương
- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu
- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Thanh Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 51 /2023/HSST ngày18/7/2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52 /2023/QĐXXST - HS ngày 03/8/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2023/HSST - QĐ ngày 17/8/2023 đối với bị cáo:

Lê Hồng P - sinh ngày 03/8/2000;
Nơi cư trú: xã Đ, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Khắc H và bà Tô Thị T; vợ con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không.
Nhân thân:

- Ngày 10/4/2019 bị Công an huyện Quảng Xương xử phạt vi phạm hành chính 2.500.000đ về hành vi "Xâm phạm sức khỏe người khác".
- Ngày 28/11/2019 bị Công an huyện Quảng Xương xử phạt vi phạm hành chính 750.000đ về hành vi "Đánh nhau".
- Ngày 18/02/2020 bị Công an huyện Quảng Xương xử phạt vi phạm hành chính 7.500.000đ về hành vi "mua bán, tàng trữ pháo nổ".

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 04/4/2023 đến nay. Hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa.

Có mặt tại phiên tòa.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

- Anh Phạm Văn D - sinh năm 1987 (vắng mặt).

Địa chỉ: xã N, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa.

- Anh Lê Văn M - sinh ngày 20/01/2006 (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp cho anh M: Bà Hoàng Thị H (mẹ đẻ)

Cùng địa chỉ: xã Đ, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa.

- Chị Phạm Mai A - sinh ngày 23/7/2002 (vắng mặt).

ĐKHKTT: xã Đ, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi ở hiện nay: phường H, thành phố Thanh Hóa.

- Chị Lê Hoàng Y - sinh ngày 16/6/2005 (vắng mặt).

Địa chỉ: xã N, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa.

- Anh Tô Văn V - sinh ngày 28/9/1999 (vắng mặt).

Địa chỉ: xã L, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa.

- Anh Lê Ngọc V1 - sinh ngày 29/01/1999 (vắng mặt).

Địa chỉ: xã P, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa.

- Anh Nguyễn Quốc K - sinh ngày 01/9/2004 (vắng mặt).

Địa chỉ: phường T, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

- Bà Hoàng Thị S - sinh năm1969 (vắng mặt).

Địa chỉ: xã G, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa.

- Chị Nguyễn Thị H - sinh ngày 02/5/2001 (vắng mặt).

Địa chỉ: xã H, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa.

- Bà Nguyễn Thị V3 - sinh năm 1964 (vắng mặt).

Địa chỉ: phường T, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

- Anh Lê Tuấn A1 - sinh ngày 20/3/2004 (vắng mặt).

Địa chỉ: xã Đ, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa.

- Anh Phạm Văn G - sinh ngày 16/5/2004 (vắng mặt).

Địa chỉ: xã Đ, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa.

- Ông Trương Công T - sinh ngày 10/10/1967 (vắng mặt).

Địa chỉ: xã H, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

- Anh Phạm Văn L - sinh năm 1992 (vắng mặt).

Địa chỉ: xã N, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- Anh Trần Văn H1 - sinh ngày 08/11/2000 (vắng mặt).

Địa chỉ: xã H, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa.

*** Người làm chứng:**

- Anh Trần Xuân D1 - sinh ngày 22/4/2003 (vắng mặt).

Địa chỉ: xã V, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa.

- Anh Trần Văn T1 - sinh ngày 13/7/2004 (vắng mặt).

Địa chỉ: phường V, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

- Anh Lê Việt B - sinh ngày 03/02/1991 (có mặt).

Địa chỉ: xã Đ, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa.

- Anh Phạm Văn S1 - sinh ngày 11/9/2001 (vắng mặt).

Địa chỉ: xã Đ, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do không có việc làm ổn định, bản thân sẵn nguồn vốn (tiền làm ăn tích góp được) nên từ tháng 03/2021 đến tháng 03/2023, Lê Hồng P đã sử dụng tiền của mình cho người dân trên địa bàn huyện Quảng Xương; huyện Đông Sơn; huyện Hoằng Hóa và TP. Thanh Hóa vay với lãi suất từ 4.545đ đến 8.667đ/1 triệu/ ngày, tương đương với mức lãi suất 165,893% đến 316,346%/1 năm, gấp từ 8,30 đến 15,82 lần so với mức lãi suất cao nhất được quy định tại khoản 1, Điều 468 Bộ luật dân sự. Mỗi khi có người hỏi vay tiền, P sẽ trực tiếp kiểm tra thông tin của khách vay như: Tên, tuổi, địa chỉ, điều kiện gia đình, hoàn cảnh kinh tế... Tùy theo điều kiện gia đình và hoàn cảnh kinh tế của khách vay mà P sẽ đưa ra hình thức vay (trả lãi theo tháng hoặc trả góp lãi và gốc theo ngày) và mức lãi suất cụ thể, nếu khách đồng ý vay thì P sẽ đưa tiền trực tiếp hoặc chuyển tiền từ tài khoản ngân hàng MB Bank số 8410168668999 của P đến tài khoản của người vay, sau đó người vay trả lãi cho P theo như thỏa thuận cho đến khi nào người vay trả hết tiền gốc. Khi cho vay, P sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S của P quay video cho người vay nói về số tiền vay và ngày vay để lưu lại và người vay không phải viết giấy vay nợ hay thế chấp tài sản, giấy tờ cá nhân cho P.

Đến ngày 06/02/2023, P thuê Trần Xuân D1ở xã V, huyện Quảng Xương và Trần Văn T1ở phường V, thành phố Thanh Hoá đi thu tiền lãi, tiền gốc của số người mà P đã cho vay trước đó và trực tiếp làm hợp đồng cho vay đối với người vay mới. Hàng tháng P sẽ trả lương cho D1 và T1 mỗi người 5.000.000đ; D1 và T1 đồng ý. Để cho D1, T1 biết được sẽ phải thu lãi của những ai và khi có người vay mới P dễ quản lý thì P đã lập 02 tài khoản "Trang tính" là Lehongphuc12368@gmail.com (trang chủ) do P quản lý và "Trang tính" Leanhphat12368@gmail.com (trang phụ) do D1 quản lý, trong đó P lưu danh sách và thông tin những người P đã cho vay tiền trước đây vào "Trang tính" Lehongphuc12368@gmail.com rồi chia sẻ danh sách này sang tài khoản Leanhphat12368@gmail.com để D1 và T1 biết để liên lạc thu tiền nợ theo yêu cầu của P. Đồng thời, P nói D1 sử dụng tài khoản ngân hàng MB Bank số 5211122042003 của D1 để nhận tiền lãi của người vay nếu có người vay trả lãi

bằng hình thức chuyển khoản, sau đó D1 chuyển tiền đã thu của người vay vào tài khoản ngân hàng MB Bank số 8410168668999 của P; còn khi có người vay tiền làm việc với D1, T1 thì P sử dụng tài khoản ngân hàng trên của P chuyển tiền cho D1 để D1, T1 trực tiếp giao người vay.

Từ tháng 03/2021 đến tháng 03/2023, P đã sử dụng tiền của mình cho 15 người vay và hành vi thu lãi của D1 và T1 cụ thể như sau:

1. Ngày 01/3/2021, P cho anh Phạm Văn D ở xã N, huyện Quảng Xương vay số tiền 10.000.000đ không ấn định ngày trả tiền gốc với lãi suất 8.667đ/1 triệu/1ngày, tương đương 316,346%/1 năm, gấp 15,82 lần so với lãi suất cao nhất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự, với số tiền lãi hàng tháng anh D phải trả là 2.600.000đ; khi đưa tiền P cắt lãi trước 2.600.000đ của tháng đầu tiên và 200.000đ phí hồ sơ, rồi đưa cho anh D 7.200.000đ. Đến ngày 03/3/2023 (thời điểm phát hiện tội phạm), số tiền lãi anh D phải trả cho P theo thỏa thuận của khoản vay này là 24 tháng 02 ngày, bằng 62.573.340đ, trong đó lãi suất tối đa theo quy định tại Bộ luật dân sự của khoản vay là 3.956.013đ; số tiền lãi P nhằm thu vượt quá mức quy định của Bộ luật dân sự là 58.617.327đ. Tổng số tiền thu lời bất chính là 58.817.327đ (trong đó tiền lãi vượt quá là 58.617.327đ và 200.000 đồng phí khác). Đến nay anh D mới trả cho P được 21 tháng lãi với số tiền là 54.600.000đ (trong đó tiền lãi theo quy định là 3.451.922 đ, tiền lãi vượt quá quy định là 51.148.078đ), anh D còn đang nợ lại 03 tháng 02 ngày lãi với số tiền 7.973.340đ và 10.000.000đ tiền gốc.

2. Ngày 07/8/2022, P cho anh Lê Văn M ở xã Đ, huyện Quảng Xương vay số tiền 5.000000đ không ấn định ngày trả tiền gốc với lãi suất 6.667đ/1triệu/1 ngày, tương đương 243,346%/1 năm, gấp 12,17 lần so với lãi suất cao nhất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự, với số tiền lãi hàng tháng anh M phải trả là 1.000.000đ, khi đưa tiền P cắt lãi trước 1.000.000đ của tháng đầu tiên và 200.000đ phí hồ sơ, rồi đưa cho anh M 3.800.000đ. Đến ngày 03/3/2023 (thời điểm phát hiện tội phạm), số tiền lãi anh M phải trả cho P theo thỏa thuận của khoản vay này là 06 tháng 24 ngày, bằng 6.800.040đ, trong đó lãi suất tối đa theo quy định tại Bộ luật dân sự của khoản vay là 558.879đ; số tiền lãi P nhằm thu vượt quá mức quy định của Bộ luật dân sự là 6.241.161đ. Tổng số tiền thu lời bất chính là 6.441.161đ (trong đó tiền lãi vượt quá là 6.241.161đ và 200.000đ tiền phí khác). Đến thời điểm hiện tại anh M mới trả cho P được 05 tháng lãi với số tiền là 5.000.000đ (trong đó tiền lãi theo quy định là 410.938đ, tiền lãi thu vượt quá quy định là 4.589.062đ), anh M còn đang nợ lại 01 tháng 24 ngày lãi với số tiền 1.800.040đ và 5.000.000đ tiền gốc.

3. Ngày 07/12/2022, P cho chị Phạm Mai A ở phường H, TP. Thanh Hóa vay số tiền 2.000.000đ không ấn định ngày trả tiền gốc với lãi suất 6.667đ/1

triệu/1 ngày, tương đương 243,346%/1 năm, gấp 12,17 lần so với lãi suất cao nhất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự, với số tiền lãi hàng tháng chị Anh phải trả là 400.000đ, khi đưa tiền P cắt lãi trước 400.000đ của tháng đầu tiên, rồi đưa cho chị A 1.600.000đ. Đến ngày 09/02/2023, D1 đứng ra thu tiền lãi cho P nên chị A đã chuyển khoản 400.000đ tiền lãi tháng 02/2023 vào tài khoản ngân hàng MB Bank số 5211122042003 của D1. Đến ngày 03/3/2023 (thời điểm phát hiện tội phạm), số tiền lãi chị A phải trả cho P theo thỏa thuận của khoản vay này là 03 tháng, bằng 1.200.000đ, trong đó lãi suất tối đa theo quy định tại Bộ luật dân sự của khoản vay là 98.625đ; số tiền thu lời bất chính là 1.101.375đ. Hiện chị A đang nợ lại 2.000.000đ tiền gốc. Trong số 1.200.000đ tiền lãi mà chị A đã đóng thì P trực tiếp thu 02 tháng bằng 800.000đ, còn D1 thu được 01 tháng bằng 400.000đ.

4. Ngày 03/7/2022, P cho chị Lê Hoàng Y ở xã N, huyện Quảng Xương vay số tiền 3.000000đ không ấn định ngày trả tiền gốc với lãi suất 6.667đ/1 triệu/1 ngày, tương đương 243,346%/1 năm, gấp 12,17 lần lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự, với số tiền lãi hàng tháng chị Y phải trả là 600.000đ, khi đưa tiền P cắt lãi trước 600.000đ của tháng đầu tiên, rồi đưa cho chị Y 2.400.000đ. Đến ngày 03/3/2023 (thời điểm phát hiện tội phạm), số tiền lãi chị Y phải trả cho P theo thỏa thuận của khoản vay này là 08 tháng, bằng 4.800.000đ, trong đó lãi suất tối đa theo quy định tại Bộ luật dân sự của khoản vay là 394.501; số tiền lãi P nhằm thu vượt quá mức quy định của Bộ luật dân sự là 4.405.499đ. Đến thời điểm hiện tại chị Y mới trả cho P được 06 tháng lãi với số tiền là 3.600.000đ (trong đó số tiền lãi hợp pháp là 295.876đ, tiền lãi thu vượt quá quy định là 3.304.124đ), chị Y còn đang nợ lại 02 tháng lãi với số tiền 1.200.000đ và 3.000.000đ tiền gốc.

5. Ngày 29/7/2022, P cho anh Tô Văn V ở xã L, huyện Quảng Xương vay số tiền 5.000000đ, không ấn định ngày trả tiền gốc với lãi suất 6.667đ/1 triệu/1 ngày, tương đương 243,346%/1 năm, gấp 12,17 lần so với lãi suất cao nhất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự, với số tiền lãi hàng tháng anh V phải trả là 1.000.000đ, khi đưa tiền P cắt lãi trước 1.000.000đ của tháng đầu tiên và 200.000đ phí hồ sơ, rồi đưa cho anh V 3.800.000đ. Đến ngày 03/3/2023 (thời điểm phát hiện tội phạm), số tiền lãi anh V phải trả cho P theo thỏa thuận của khoản vay này là 07 tháng 03 ngày, bằng 7.100.005đ, trong đó lãi suất tối đa theo quy định tại Bộ luật dân sự của khoản vay là 583.533đ; số tiền lãi P nhằm thu vượt quá mức quy định của Bộ luật dân sự là 6.516.472đ. Tổng số tiền thu lời bất chính là 6.716.472đ (trong đó có 6.516.472đ tiền lãi vượt quá quy định và 200.000đ tiền phí khác). Đến thời điểm hiện tại anh V mới trả cho P được 06 tháng lãi với số tiền là 6.000.000đ (trong đó số tiền lãi hợp pháp là 493.126đ, số

tiền lãi thu vượt quá là 5.506.874đ), anh V còn đang nợ lại 01 tháng 03 ngày lãi với số tiền 1.100.005đ và 5.000.000đ tiền gốc.

6. P cho anh Lê Ngọc V1 ở xã P, huyện Quảng Xương vay 04 lần, cụ thể như sau:

- *Lần thứ 1:* Ngày 04/11/2022, P cho anh V1 vay số tiền 5.000.000đ không ấn định ngày trả tiền gốc với lãi suất 8.000.đ/1 triệu/1 ngày, tương đương 292%/1 năm, gấp 14,60 lần so với lãi suất cao nhất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự, với số tiền lãi hàng tháng anh V1 phải trả là 1.000.000đ, khi đưa tiền P cắt lãi trước 1.000.000đ của tháng đầu tiên và 200.000đ phí hồ sơ, rồi đưa cho anh V1 3.800.000đ. Đến ngày 03/3/2023 (thời điểm phát hiện tội phạm), số tiền lãi anh V1 phải trả cho P theo thỏa thuận của khoản vay này là 03 tháng 27 ngày, bằng 4.680.000đ, trong đó lãi suất tối đa theo quy định tại Bộ luật dân sự của khoản vay là 320.548đ; số tiền lãi P nhằm thu vượt quá mức quy định của Bộ luật dân sự là 4.359.452đ. Tổng số tiền thu lời bất chính là 4.559.452đ (trong đó số tiền lãi vượt quá là 4.359.452đ và 200.000đ tiền phí khác). Đến thời điểm hiện tại anh V1 mới trả cho P được 03 tháng lãi với số tiền là 3.600.000đ (trong đó số tiền lãi hợp pháp là 246.575đ, số tiền lãi thu vượt quá quy định là 3.353.425đ), anh V1 còn đang nợ lại 27 ngày lãi với số tiền 1.080.000đ và 5.000.000đ tiền gốc.

- *Lần thứ 2:* Ngày 15/11/2022, P cho anh V1 vay số tiền 5.000.000đ không ấn định ngày trả tiền gốc với lãi suất 6.667đ/1 triệu/1 ngày, tương đương 243,346%/1 năm, gấp 12,17 lần so với lãi suất cao nhất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự, với số tiền lãi hàng tháng anh V1 phải trả là 1.000.000đ, khi đưa tiền P cắt lãi trước 1.000.000đ của tháng đầu tiên và không bị thu phí hồ sơ, rồi đưa cho anh V1 4.000.000đ. Đến ngày 03/3/2023 (thời điểm phát hiện tội phạm), số tiền lãi anh V1 phải trả cho P theo thỏa thuận của khoản vay này là 03 tháng 16 ngày, bằng 3.533.360đ, trong đó lãi suất tối đa theo quy định tại Bộ luật dân sự của khoản vay là 290.399đ; số tiền lãi P nhằm thu vượt quá mức quy định của Bộ luật dân sự (thu lời bất chính) là 3.242.961đ. Đến thời điểm hiện tại anh V1 mới trả cho P được 03 tháng lãi với số tiền là 3.000.000đ (trong đó số tiền lãi hợp pháp là 246.563đ, số tiền lãi thu vượt quá quy định là 2.753.437đ), anh V1 còn đang nợ lại 16 ngày lãi với số tiền 533.360đ và 5.000.000đ tiền gốc.

- *Lần thứ 3:* Ngày 21/11/2022, P cho anh V1 vay số tiền 5.000.000đ không ấn định ngày trả tiền gốc với lãi suất 6.667đ/1 triệu/1 ngày, tương đương 243,346%/1 năm, gấp 12,17 lần so với lãi suất cao nhất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự, với số tiền lãi hàng tháng anh V1 phải trả là 1.000.000đ, khi đưa tiền P cắt lãi trước 1.000.000đ của tháng đầu tiên, rồi đưa

cho anh V1 4.000.000đ. Đến ngày 03/3/2023 (thời điểm phát hiện tội phạm), số tiền lãi anh V1 phải trả cho P theo thỏa thuận của khoản vay này là 03 tháng 10 ngày, bằng 3.333.350đ, trong đó lãi suất tối đa theo quy định tại Bộ luật dân sự của khoản vay là 273.960đ; số tiền lãi P nhằm thu vượt quá mức quy định của Bộ luật dân sự (thu lời bất chính) là 3.059.390đ. Đến thời điểm hiện tại anh V1 mới trả cho P được 03 tháng lãi với số tiền là 3.000.000đ (trong đó số tiền lãi hợp pháp là 246.563đ, số tiền lãi thu vượt quá quy định là 2.753.437đ), anh V1 còn đang nợ lại 10 ngày lãi với số tiền 333.350đ và 5.000.000đ tiền gốc.

- *Lần thứ 4:* Ngày 28/01/2023, P cho anh V1 vay số tiền 20.000.000đ không ấn định ngày trả tiền gốc với lãi suất 6.667đ/1 triệu/1 ngày, tương đương 243,346%/1 năm, gấp 12,17 lần so với lãi suất cao nhất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự, với số tiền lãi hàng tháng anh V1 phải trả là 4.000.000đ, khi đưa tiền P cắt lãi trước 4.000.000đ của tháng đầu tiên, rồi đưa cho anh V1 16.000.000đ. Đến ngày 14/02/2023, biết D1 là người đứng ra thu lãi cho P nên anh V1 đã chuyển khoản trước 4.000.000đ tiền lãi tháng 03/2023 vào tài khoản ngân hàng MBBank số 5211122042003 của D1. Đến ngày 03/3/2023 (thời điểm phát hiện tội phạm), số tiền lãi anh V1 phải trả cho P theo thỏa thuận của khoản vay này là 01 tháng 03 ngày, tuy nhiên anh V1 đã trả lãi trước tháng 3/2023 cho P là 02 tháng bằng 8.000.000đ, trong đó lãi suất tối đa theo quy định tại Bộ luật dân sự thì số tiền lãi hợp pháp là 657.501đ; số tiền lãi P đã thu vượt quá mức quy định của Bộ luật dân sự (thu lời bất chính) là 7.342.499đ. Hiện nay anh V1 đang nợ lại 20.000.000đ tiền gốc.

7. P cho anh Nguyễn Quốc K ở phường T, TP. Thanh Hóa vay 05 lần, cụ thể như sau:

- *Lần thứ 1:* Ngày 01/7/2022, P cho anh K vay số tiền 2.000.000đ không ấn định ngày trả tiền gốc với lãi suất 6.667đ/1 triệu/1ngày, tương đương 243,346%/1 năm, gấp 12,17 lần so với lãi suất cao nhất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự, với số tiền lãi hàng tháng anh K phải trả là 400.000đ, khi đưa tiền P cắt lãi trước 400.000đ của tháng đầu tiên, rồi đưa cho anh K 1.600.000đ. Đến ngày 01/08/2022 anh K đã trả 2.000.000đ tiền gốc cho P. Đối với số tiền lãi mà P đã thu của anh K trong thời gian 01 tháng là 400.000đ, khoản vay này lãi suất tối đa theo quy định tại Bộ luật dân sự là 32.875đ; số tiền lãi P đã thu vượt quá mức quy định của Bộ luật dân sự (thu lời bất chính) là 367.125đ.

- *Lần thứ 2:* Ngày 30/12/2022, P cho anh K vay số tiền 2.000.000đ không ấn định ngày trả tiền gốc với lãi suất 6.667đ/1triệu/1 ngày, tương đương 243,346%/1 năm, gấp 12,17 lần so với lãi suất cao nhất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự, với số tiền lãi hàng tháng anh K phải trả là 400.000đ, khi đưa tiền P cắt lãi trước 400.000đ của tháng đầu tiên, rồi đưa cho anh K

1.600.000đ. Đến ngày 30/01/2023 anh K đã trả 2.000.000đ tiền gốc cho P. Đối với số tiền lãi mà P đã thu của anh K trong thời gian 01 tháng là 400.000đ, khoản vay này lãi suất tối đa theo quy định tại Bộ luật dân sự là 32.875đ; số tiền lãi P đã thu vượt quá mức quy định của Bộ luật dân sự (thu lời bất chính) là 367.125đ.

- *Lần thứ 3:* Ngày 18/01/2023, P cho anh K vay số tiền 2.000.000đ không ấn định ngày trả tiền gốc với lãi suất 6.667đ/1 triệu/1 ngày, tương đương 243,346%/1 năm, gấp 12,17 lần so với lãi suất cao nhất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự, với số tiền lãi hàng tháng anh K phải trả là 400.000đ, khi đưa tiền P cắt lãi trước 400.000đ của tháng đầu tiên, rồi đưa cho anh K 1.600.000đ. Do biết D1 là người làm cho P nên trong các ngày 11/02/2023, ngày 20/02/2023 và ngày 23/02/2023 anh K đã lần lượt chuyển khoản 600.000đ, 400.000đ và 1.000.000đ, tổng là 2.000.000đ tiền gốc của khoản vay này vào tài khoản ngân hàng MBBank số 5211122042003 của D1. Đối với số tiền lãi mà P đã thu của anh K trong thời gian 01 tháng là 400.000đ, khoản vay này lãi suất tối đa theo quy định tại Bộ luật dân sự là 32.875đ; số tiền lãi P đã thu vượt quá mức quy định của Bộ luật dân sự (thu lời bất chính) là 367.125đ.

- *Lần thứ 4:* Ngày 06/02/2023, P cho anh K vay số tiền 2.000.000đ không ấn định ngày trả tiền gốc với lãi suất 6.667đ/1triệu/1 ngày, tương đương 243,346%/1 năm, gấp 12,17 lần so với lãi suất cao nhất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự, với số tiền lãi hàng tháng anh K phải trả là 400.000đ, khi đưa tiền P cắt lãi trước 400.000đ của tháng đầu tiên, rồi đưa cho anh K 1.600.000đ. Đến ngày 23/02/2023, anh K đã chuyển khoản 2.000.000đ (Hai triệu đồng) tiền gốc của khoản vay này vào tài khoản ngân hàng MBBank số 5211122042003 của D1. Đối với số tiền lãi mà P đã thu của anh K trong thời gian 01 tháng là 400.000đ, khoản vay này lãi suất tối đa theo quy định tại Bộ luật dân sự là 32.875đ; số tiền lãi P đã thu vượt quá mức quy định của Bộ luật dân sự (thu lời bất chính) là 367.125đ.

- *Lần thứ 5:* Ngày 23/02/2023, P cho anh K vay số tiền 3.000.000đ không ấn định ngày trả tiền gốc với lãi suất 6.667đ/1 triệu/1 ngày, tương đương 243,346%/1 năm, gấp 12,17 lần so với lãi suất cao nhất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự, với số tiền lãi hàng tháng anh K phải trả là 600.000đ, khi đưa tiền P cắt lãi trước 600.000đ của tháng đầu tiên, rồi đưa cho anh K 2.400.000đ. Đối với khoản vay này, tiền lãi mà P đã thu của anh K là 600.000đ trong thời hạn 01 tháng thì lãi suất tối đa theo quy định tại Bộ luật dân sự là 49.313đ; số tiền lãi P đã thu vượt quá mức quy định của Bộ luật dân sự (thu lời bất chính) là 550.687đ. Hiện tại anh K đang nợ lại 3.000.000đ tiền gốc.

8. Ngày 01/3/2023, P cho bà Hoàng Thị S ở xã G, huyện Quảng Xương vay số tiền 10.000.000đ trong thời hạn 33 ngày, lãi suất là 4.545đ/1triệu/ ngày, tương

đương 165,893%/năm, gấp 8,30 lần so với lãi suất cao nhất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự. Với khoản vay này P giao cho Dũng trực tiếp sử dụng điện thoại Iphone 14 Promax của Dũng quay lại video cho bà S nói về số tiền vay và ngày vay, bà S không cần thế chấp tài sản và không phải viết giấy vay tiền. Sau đó P cắt lãi trước 1.500.000đ của tháng đầu tiên và 500.000đ phí hồ sơ rồi sử dụng tài khoản ngân hàng MBBank số 8410168668999 của P chuyển khoản số tiền 8.000.000đ vào tài khoản ngân hàng của bà S. Đối với khoản vay này, số tiền lãi mà bà S đã trả cho P là 1.500.000đ, trong đó lãi suất tối đa theo quy định tại Bộ luật dân sự là 180.840đ; số tiền lãi P đã thu vượt quá quy định của Bộ luật dân sự là 1.319.160đ. Tổng số tiền thu lời bất chính là 1.819.160đ (trong đó số tiền lãi vượt quá quy định là 1.319.160đ và 500.000đ tiền phí khác). Hiện tại bà S còn nợ lại P 10.000.000đ tiền gốc.

9. P cho chị Nguyễn Thị H ở xã H, huyện Quảng Xương vay 02 lần, cụ thể như sau:

Lần thứ 1: Ngày 04/9/2022, P cho chị H vay số tiền 10.000.000đ không ấn định ngày trả tiền gốc với lãi suất 6.667/1 triệu/1 ngày, tương đương 243,346%/1 năm, gấp 12,17 lần so với lãi suất cao nhất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự, với số tiền lãi hàng tháng chị H phải trả là 2.000.000đ, chị H không bị P cắt lãi trước mà nhận về đủ 10.000.000đ. Đến ngày 04/11/2022 chị H trả cho P 02 tháng lãi với số tiền 4.000.000đ và 10.000.000đ tiền gốc. Đối với khoản vay này tổng tiền lãi theo thỏa thuận chị H đã trả cho P là 4.000.000đ, trong đó số tiền lãi theo quy định là 328.751đ; số tiền lãi P đã thu vượt quá mức quy định của Bộ luật dân sự (thu lời bất chính) là 3.671.249đ.

Lần thứ 2: Ngày 04/11/2022, P cho chị H vay số tiền 5.000.000đ không ấn định ngày trả tiền gốc với lãi suất 6.667/1 triệu/1 ngày, tương đương 243,346%/1 năm, gấp 12,17 lần so với lãi suất cao nhất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự, với số tiền lãi hàng tháng chị H phải trả là 1.000.000đ, chị H không bị P cắt lãi trước mà nhận về đủ 5.000.000đ. Đến ngày 07/02/2023, biết D1 là người đứng ra thu lãi cho P nên chị H đã chuyển khoản 1.000.000đ tiền lãi tháng 02/2023 vào tài khoản ngân hàng MBBank số 5211122042003 của D1. Đến ngày 03/3/2023 (thời điểm phát hiện tội phạm), số tiền lãi chị H phải trả cho P theo thỏa thuận của khoản vay này là 03 tháng 27 ngày, bằng 3.900.045đ, trong đó lãi suất tối đa của khoản vay theo quy định tại Bộ luật dân sự là 320.536đ; số tiền lãi P nhằm thu vượt quá quy định của Bộ luật dân sự là 3.579.509đ. Đến nay chị H mới trả được 3 tháng lãi với số tiền 3.000.000đ (trong đó số tiền lãi theo quy định là 246.563đ, số tiền lãi thu vượt quá quy định là 2.753.437đ), chị H còn nợ lại 900.045đ tiền lãi và 5.000.000đ tiền gốc. Trong số 3.000.000đ tiền lãi mà chị H trả cho P thì có 2.000.000đ là P trực tiếp thu, còn 1.000.000đ là D1 thu.

10. P cho bà Nguyễn Thị V3 ở phường T, TP.Thanh Hóa vay 03 lần, cụ thể như sau:

- *Lần thứ 1:* Ngày 03/10/2022, P cho bà V3 vay số tiền 5.000.000đ không ấn định ngày trả tiền gốc với lãi suất 6.667đ/1 triệu/1 ngày, tương đương 243,346%/1 năm, gấp 12,17 lần so với lãi suất cao nhất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự, với số tiền lãi hàng tháng bà V3 phải trả là 1.000.000đ, khi đưa tiền P cắt lãi trước 1.000.000đ của tháng đầu tiên, rồi đưa cho bà V3 4.000.000đ. Đến ngày 03/3/2023 (thời điểm phát hiện tội phạm), số tiền lãi mà bà V3 phải trả cho P theo thỏa thuận là 05 tháng tương ứng với số tiền 5.000.000đ, trong đó lãi suất tối đa theo quy định tại Bộ luật dân sự của khoản vay là 410.938đ; số tiền lãi P nhằm thu vượt quá mức quy định của Bộ luật dân sự (thu lời bất chính) là 4.589.062đ. Đến thời điểm hiện tại, bà V3 mới trả cho P được 04 tháng lãi với số tiền là 4.000.000đ (trong đó số tiền lãi theo quy định là 328.751đ, số tiền lãi thu vượt quá quy định là 3.671.249đ), bà V3 còn đang nợ lại 01 tháng tiền lãi với số tiền 1.000.000đ và 5.000.000đ tiền gốc.

- *Lần thứ 2:* Ngày 02/11/2022, P cho bà V3 vay số tiền 10.000.000đ trong vòng 34 ngày, lãi suất là 5.882/1triệu/ ngày, tương đương 214,693%/năm, gấp 10,74 lần so với lãi suất cao nhất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự, bà V3 phải trả tiền gốc mỗi ngày 300.000đ, riêng ngày cuối cùng trả 100.000đ, bà V3 không cần thế chấp tài sản và không phải viết giấy vay tiền, P cắt lãi trước 2.000.000đ và 300.000đ phí hồ sơ, rồi đưa cho bà V3 7.700.000đ, đến ngày 05/01/2023 bà V3 đã trả xong 10.000.000đ tiền gốc cho P. Đối với khoản vay này, số tiền lãi mà P đã thu của bà V3 là 2.000.000đ, trong đó lãi suất tối đa theo quy định tại Bộ luật dân sự của khoản vay là 186.313đ; số tiền lãi P đã thu vượt quá mức quy định của Bộ luật Dân sự là 1.813.687đ. Tổng số tiền thu lời bất chính là 2.113.687đ (trong đó số tiền lãi vượt quá mức quy định là 1.813.687đ và 300.000đ tiền phí khác).

- *Lần thứ 3:* Ngày 09/02/2023, P cho bà V3 vay số tiền 10.000.000đ trong vòng 34 ngày, lãi suất là 5.882/1triệu/ ngày, tương đương 214,693%/năm, gấp 10,74 lần so với lãi suất cao nhất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự, bà V3 phải trả tiền gốc mỗi ngày 300.000đ, riêng ngày cuối cùng trả 100.000đ. Với khoản vay này P giao cho D1 trực tiếp sử dụng điện thoại Iphone 14 Promax của D1 quay lại video cho bà V3 nói về số tiền vay và ngày vay, bà V3 không cần thế chấp tài sản và không phải viết giấy vay tiền. Sau đó P chuyển 10.000.000đ vào tài khoản của D1 để D1 đưa cho bà V3 vay. Khi đưa tiền cho bà V3 vay, D1 cắt lãi trước 2.000.000đ tiền lãi của khoản vay, 300.000đ phí hồ sơ và 300.000đ tiền gốc ngày đầu tiên, còn chuyển khoản cho bà V3 7.400.000đ. Hàng ngày D1 và T1 sẽ là người trực tiếp thu tiền gốc của bà V3.

Đến ngày 03/3/2023 (thời điểm phát hiện tội phạm), số tiền lãi theo thỏa thuận mà P đã thu của bà V3 là 2.000.000đ, trong đó lãi suất tối đa theo quy định tại Bộ luật dân sự của khoản vay là 186.313đ; số tiền lãi P đã thu vượt quá mức quy định của Bộ luật dân sự là 1.813.687đ. Tổng số tiền thu lời bất chính là 2.113.687đ (trong đó số tiền lãi vượt quá mức quy định là 1.813.687đ và 300.000đ tiền phí khác). Đến nay, bà V3 mới trả cho P được 22 ngày tiền gốc với số tiền 6.600.000đ, còn nợ lại 12 ngày với số tiền 3.400.00đ.

11. Ngày 29/7/2022, P cho anh Lê Tuấn A1ở xã Đ, huyện Quảng Xương vay số tiền 10.000000đ không ấn định ngày trả tiền gốc với lãi suất 6.667đ/1 triệu/1 ngày, tương đương 243,346%/1 năm, gấp 12,17 lần so với lãi suất cao nhất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự, với số tiền lãi hàng tháng anh Tuấn A1 phải trả là 2.000.000đ, khi đưa tiền P cắt lãi trước 2.000.000đ của tháng đầu tiên, rồi đưa cho anh Tuấn A1 là 8.000.000đ. Đến ngày 29/9/2022, anh Tuấn A1 đã trả xong 10.000.000đ tiền gốc và trả thêm 01 tháng lãi cho P, số tiền lãi mà anh Tuấn A1 đã trả cho P là 02 tháng tương ứng với số tiền 4.000.000đ, với khoản vay này lãi suất tối đa theo quy định tại Bộ luật dân sự là 328.751đ; số tiền lãi P nhằm thu vượt quá mức quy định của Bộ luật dân sự (thu lời bất chính) là 3.671.249đ.

12. P cho anh Phạm Văn G ở xã Đ, huyện Quảng Xương vay 03 lần, cụ thể như sau:

- *Lần thứ 1:* Ngày 17/9/2022, P cho anh G vay số tiền 5.000.000đ không ấn định ngày trả tiền gốc với lãi suất 6.667đ/1 triệu/1 ngày, tương đương 243,346%/1 năm, gấp 12,17 lần so với lãi suất cao nhất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự, với số tiền lãi hàng tháng anh G phải trả là 1.000.000đ, khi đưa tiền P cắt lãi trước 1.000.000đ của tháng đầu tiên, rồi đưa cho anh Giáp 4.000.000đ. Đến ngày 23/02/2023 anh G đã trả 5.000.000đ tiền gốc và đóng thêm 4 tháng tiền lãi cho P, số tiền lãi mà anh G đã trả cho P là 05 tháng tương ứng với số tiền 5.000.000đ, khoản vay này lãi suất tối đa theo quy định tại Bộ luật dân sự là 410.938đ; số tiền lãi P thu vượt quá mức quy định của Bộ luật dân sự (thu lời bất chính) là 4.589.062đ.

- *Lần thứ 2:* Ngày 17/11/2022, P cho anh G vay số tiền 5.000.000đ không ấn định ngày trả tiền gốc với lãi suất 6.667đ/1 triệu/1 ngày, tương đương 243,346%/1 năm, gấp 12,17 lần so với lãi suất cao nhất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự, với số tiền lãi hàng tháng anh G phải trả là 1.000.000đ, khi đưa tiền P cắt lãi trước 1.000.000đ của tháng đầu tiên, rồi đưa cho anh Giáp 4.000.000đ. Đến ngày 23/02/2023 anh G đã trả 5.000.000đ tiền gốc và đóng được 2 tháng tiền lãi, cộng với 1.000.000đ tiền lãi đã P đã cắt trước là 3.000.000đ. Đối với khoản vay này, số tiền lãi mà P đã thu của anh G là

3.000.000đ, trong đó lãi suất tối đa theo quy định tại Bộ luật dân sự của khoản vay là 246.563đ; số tiền lãi P thu vượt quá mức quy định của Bộ luật Dân sự (thu lời bất chính) là 2.753.425đ.

- *Lần thứ 3:* Ngày 31/01/2023, P cho anh G vay số tiền 5.000.000đ không ấn định ngày trả tiền gốc với lãi suất 6.667đ/1 triệu/1 ngày, tương đương 243,346%/1 năm, gấp 12,17 lần so với lãi suất cao nhất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự, với số tiền lãi hàng tháng anh G phải trả là 1.000.000đ, khi đưa tiền P cắt lãi trước 1.000.000đ của tháng đầu tiên, rồi đưa cho anh Giáp 4.000.000đ, đến ngày 23/02/2023 anh G đã trả 5.000.000đ tiền gốc. Đối với khoản vay này, số tiền lãi mà P đã thu của anh G trong thời gian 01 tháng là 1.000.000đ, trong đó lãi suất tối đa theo quy định tại Bộ luật Dân sự của khoản vay là 82.188đ; số tiền lãi P thu vượt quá mức quy định của Bộ luật dân sự (thu lời bất chính) là 917.812đ.

13. Ngày 02/10/2022, P cho ông Trương Công T ở xã H, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa vay số tiền 10.000.000đ không ấn định ngày trả tiền gốc với lãi suất 6.667/1 triệu/1 ngày, tương đương 243,346%/1 năm, gấp 12,17 lần so với lãi suất cao nhất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự, với số tiền lãi hàng tháng ông T phải trả là 2.000.000đ, khi đưa tiền P cắt lãi trước 2.000.000đ của tháng đầu tiên, rồi đưa cho ông T 8.000.000đ. Đến ngày 03/3/2023 (ngày phát hiện tội phạm) số tiền lãi ông T phải trả cho P theo thỏa thuận là 05 tháng 01 ngày, tương ứng với số tiền 10.066.670đ, trong đó số tiền lãi tối đa của khoản vay theo quy định là 827.356đ; số tiền lãi P nhằm thu vượt quá mức quy định của Bộ luật dân sự là 9.239.314đ. Thực tế ông T đã trả cho P được 03 tháng lãi với số tiền là 6.000.000đ (trong đó số tiền lãi tối đa theo quy định là 493.126đ, số tiền lãi thu vượt quá quy định là 5.506.874đ), ông T còn đang nợ lại 02 tháng 01 ngày lãi với số tiền 4.066.670đ và 10.000.000đ tiền gốc.

14. Ngày 15/10/2022, P cho anh Phạm Văn L ở xã N, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa vay số tiền 10.000.000đ không ấn định ngày trả tiền gốc với lãi suất 6.667/1 triệu/1 ngày, tương đương 243,346%/1 năm, gấp 12,17 lần so với lãi suất cao nhất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự, với số tiền lãi hàng tháng anh L phải trả là 2.000.000đ, khi đưa tiền P cắt lãi trước 2.000.000đ của tháng đầu tiên, rồi đưa cho anh L 8.000.000đ. Tính đến ngày 03/3/2023 (ngày phát hiện tội phạm) số tiền lãi anh L phải trả cho P theo thỏa thuận là 04 tháng 16 ngày, tương ứng với số tiền 9.066.666đ, trong đó số tiền lãi cao nhất theo quy định của khoản vay là 745.168đ; số tiền lãi P nhằm thu vượt quá mức quy định của Bộ luật dân sự (thu lời bất chính) là 8.321.498đ. Đến nay, anh L mới trả cho P được 03 tháng lãi với số tiền là 6.000.000đ (trong đó số tiền lãi tối đa theo quy định là 493.126đ, số tiền lãi thu vượt quá quy định là 5.506.874đ),

anh L còn đang nợ lại 01 tháng 16 ngày lãi với số tiền 3.066.666đ và 10.000.000đ tiền gốc.

15. P cho anh Trần Văn H1 ở xã H, huyện Quảng Xương vay 03 lần, cụ thể như sau:

- *Lần thứ 1:* Ngày 10/7/2022, P cho anh H1 vay số tiền 5.000.000đ trong thời hạn 07 ngày, lãi suất là 8.571/1triệu/ ngày, tương đương 312,842%/năm, gấp 15,64 lần so với lãi suất cao nhất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự. Khi cho vay, P cắt trước 300.000đ tiền lãi của 7 ngày và đưa cho anh H là 4.700.000đ. Đến ngày 17/7/2022, anh H1 đã trả 5.000.000đ tiền gốc cho P. Đối với khoản vay này, tiền lãi theo thỏa thuận mà P đã thu của anh H1 là 300.000đ, trong đó lãi suất tối đa theo quy định tại Bộ luật dân sự của khoản vay là 19.179đ; số tiền lãi P thu vượt quá mức quy định của Bộ luật dân sự (thu lời bất chính) là 280.821đ.

- *Lần thứ 2:* Ngày 05/9/2022, P cho anh H1 vay số tiền 5.000.000đ trong thời hạn 07 ngày, lãi suất là 8.571/1triệu/ngày, tương đương 312,842%/năm, gấp 15,64 lần so với lãi suất cao nhất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự. Với hình thức tương tự như khoản vay thứ nhất, đến ngày 12/9/2022, anh H1 đã trả 5.000.000đ tiền gốc cho P. Đối với khoản vay này, tiền lãi theo thỏa thuận mà P đã thu của anh H1 là 300.000đ, trong đó lãi suất tối đa theo quy định tại Bộ luật dân sự của khoản vay là 19.179đ; số tiền lãi P thu vượt quá mức quy định của Bộ luật dân sự (thu lời bất chính) là 280.821đ.

- *Lần thứ 3:* Ngày 10/01/2023, P cho anh H1 vay số tiền 2.000.000đ không ấn định ngày trả tiền gốc với lãi suất 6.667đ/1 triệu/1 ngày, tương đương 243,346%/1 năm, gấp 12,17 lần so với lãi suất cao nhất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự, với số tiền lãi hàng tháng anh H1 phải trả là 400.000đ. Khi cho vay, P cắt lãi trước 400.000đ của tháng đầu tiên, rồi đưa cho anh H1 1.600.000đ, đến ngày 10/02/2023 anh H1 đã trả 2.000.000đ tiền gốc cho P. Đối với khoản vay này, số tiền lãi theo thỏa thuận mà P đã thu của anh H1 là 400.000đ, trong đó lãi suất tối đa theo quy định tại Bộ luật dân sự của khoản vay là 32.875đ; số tiền lãi P thu vượt quá mức quy định của Bộ luật dân sự (thu lời bất chính) là 367.125đ.

Như vậy, trong thời gian từ tháng 03/2021 đến tháng 03/2023, Lê Hồng P đã sử dụng tổng số tiền 178.000.000đ cho 15 người nêu trên vay với lãi suất từ 4.545đ đến 8.667đ/1 triệu/ ngày, tương đương với mức lãi suất 165,893% đến 316,346%/1 năm, gấp từ 8,30 đến 15,82 lần so với mức lãi suất cao nhất được quy định tại Khoản 1, Điều 468 Bộ luật dân sự, nhằm thu số tiền lãi là 155.753.476đ; trong đó số tiền lãi cao nhất theo quy định của các khoản vay là 11.640.659đ, số tiền lãi nhằm thu vượt quá quy định của Bộ luật dân sự là 144.112.817đ. Tổng số

tiền thu lời bất chính là 146.012.817đ (trong đó có 144.112.817đ tiền lãi vượt quá mức quy định và 1.900.000đ tiền thu bất hợp pháp (tiền phí hồ sơ). Trong đó xác định: Khoản vay của anh Nguyễn Quốc K vào ngày 30/12/2022, ngày 23/02/2023 là tiền vay từ nguồn tiền cho vay quay vòng của khoản vay ngày 01/7/2022 và ngày 06/02/2023; khoản vay của bà Nguyễn Thị H ngày 04/11/2022 là nguồn tiền cho vay quay vòng của khoản vay ngày 04/9/2022; khoản vay của bà Nguyễn Thị V3 ngày 09/02/2023 là nguồn tiền cho vay quay vòng của khoản vay ngày 02/11/2022; khoản vay của anh Trần Văn H1 ngày 05/9/2022 và ngày 10/01/2023 là nguồn tiền cho vay quay vòng của khoản vay ngày 10/7/2022. Vì vậy cần xác định số tiền gốc Lê Hồng P đã sử dụng để cho các khách vay tiền là 152.000.000đ là công cụ phương tiện phạm tội.

Đối với Trần Xuân D1 và Trần Văn T1 đồng ý giúp sức cho P từ ngày 06/02/2023, được P phân công và đã tham gia cùng P xác minh làm hồ sơ cho 02 người vay tiền, gồm bà Hoàng Thị S vay số tiền 10.000.000đ, lãi suất 165,893%/năm, số tiền thu lời bất chính là 1.819.160đ và bà Nguyễn Thị V3 vay 10.000.000đ, lãi suất 214,693%/năm, thu lời bất chính số tiền 2.113.687đ. Đồng thời D1 đã thu được tiền gốc của anh Nguyễn Quốc K đối với 02 khoản vay ngày 08/01/2023 và ngày 06/02/2023, tổng số tiền 4.000.000 đồng, lãi suất 243,346%/năm, số tiền thu lời bất chính là 734.250đ, thu tiền lãi của chị Phạm Mai A đối với khoản vay ngày 07/12/2022, lãi suất 243,346%/năm, thu lời bất chính số tiền 1.101.375đ, thu tiền lãi của anh Lê Ngọc V1 đối với khoản vay ngày 28/01/2023, lãi suất 243,346%/năm, thu lời bất chính số tiền 7.342.499đ, thu tiền lãi của chị Nguyễn Thị H đối với khoản vay ngày 04/11/2022, lãi suất 243,346%/năm, thu lời bất chính số tiền 3.579.509đ. Như vậy, từ ngày 06/02/2023 đến thời điểm phát hiện tội phạm (03/3/2023), Trần Xuân D1, Trần Văn T1 đã giúp P làm hồ sơ và thu tiền gốc và lãi của những người vay tiền trên với lãi suất từ 165,893%/năm đến 243,346%/năm, thu lời bất chính tổng số tiền 16.690.480đ. Toàn bộ tiền gốc và lãi thu được, D1, T1g đã chuyển lại cho P. Hành vi của D1 và T1 chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự, Cơ quan điều tra đã xử lý hành chính theo quy định.

Ngày 03/3/2023, khi làm việc với Cơ quan CSĐT Công an huyện Quảng Xương, Trần Xuân D1 đã tự nguyện giao nộp chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Pro Max màu tím mà Dũng sử dụng để nhập "trang tính" do P giao cho quản lý và quay lại video để bà S, bà V3 nói về số tiền vay và ngày vay; Trần Văn T1 giao nộp chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Realme C1 màu xanh dương là điện thoại mà T1 sử dụng để gọi điện cho người vay tiền để thu tiền lãi cho P. Ngày 05/5/2023, Cơ quan CSĐT Công an huyện Quảng Xương đã trưng cầu Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa giám định, phục hồi, trích xuất dữ liệu cuộc

gọi, tin nhắn SMS, tin nhắn trong ứng dựng Meesenger, Zalo, "Trang tính" video, trong 02 chiếc điện thoại này. Tại bản Kết luận giám định số 2074/KL-KTHS ngày 03/6/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa kết luận:

- 01 (Một) điện thoại di động Iphone 14 Pro Max màu tím. Điện thoại đang ở chế độ nhà phát triển, hiện không tìm thấy dữ liệu điện tử trong điện thoại này.

- 01 (Một) điện thoại thoại di động nhãn hiệu Realme C1 màu xanh dương, hiện không tìm thấy dữ liệu điện tử đã xóa trong điện thoại di động này; tìm thấy 308 lịch sử cuộc gọi, 24 tin nhắn SMS, 13 ảnh chụp màn hình thể hiện tin nhắn Zalo trong điện thoại.

Kèm theo kết luận giám định là 01 tệp mang tên "Phụ lục.rar" dung lượng 4.52MB được lưu trong 01 đĩa DVD màu vàng và mẫu vật gửi giám định.

Cơ quan điều tra đã tiến hành trích xuất, kiểm tra dữ liệu trong đĩa DVD, kết quả các cuộc gọi, tin nhắn SMS, tin nhắn Zalo trong điện thoại của Trần Văn T1 không chứa nội dung liên quan đến vụ án.

* Về các biện pháp tư pháp:

- *Đối với số tiền gốc:* Tổng số tiền 152.000.000đ là tiền Lê Hồng P sử dụng cho 15 người nêu trên vay là tiền sử dụng làm phương tiện phạm tội nên cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước. Cụ thể: Tịch thu của P số tiền 45.600.000đ anh K, chị H, chị V3, anh Tuấn A, anh G, anh H1 đã trả cho P. Tịch thu của anh Lê Văn M số tiền còn nợ P là 5.000.000đ; tịch thu của chị Phạm Mai A số tiền còn nợ P là 2.000.000đ; tịch thu của chị Lê Hoàng Y số tiền còn nợ P là 3.000.000đ, tịch thu của anh Tô Văn V số tiền còn nợ P là 5.000.000đ; tịch thu số tiền của anh Lê Ngọc V1 còn nợ P là 35.000.000đ; tịch thu của anh Phạm Văn D số tiền còn nợ P là 10.000.000đ; tịch thu số tiền của anh Nguyễn Quốc K còn nợ P là 3.000.000đ; tịch thu số tiền của chị Nguyễn Thị H còn nợ P là 5.000.000đ; tịch thu số tiền của chị Nguyễn Thị V3 còn nợ P là 8.400.000đ; tịch thu số tiền của anh Trương Công T còn nợ P là 10.000.000đ; tịch thu số tiền của anh Phạm Văn L còn nợ P là 10.000.000đ; tịch thu số tiền của bà Hoàng Thị S còn nợ P là 10.000.000đ.

- *Đối với tiền lãi thu được tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của BLDS*: Tổng số tiền 9.911.957đ là tiền lãi P đã thu được của 15 người vay tương ứng với mức lãi suất 20%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự, tuy không bị tính xác định trách nhiệm hình sự nhưng là khoản tiền phát sinh từ hành vi phạm tội nên cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

- *Đối với số tiền thu bất hợp pháp khác:* Lê Hồng P đã thu tiền phí làm hồ sơ của người vay tổng số tiền 1.900.000đ, nhưng thực tế không làm hồ sơ mà mục đích hưởng lợi cá nhân, đây là khoản thu trái pháp luật, buộc phải trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Cụ thể: Trả cho anh Lê Văn M

200.000đ; anh Tô Văn V 200.000đ; anh Lê Ngọc V1 200.000đ; anh Phạm Văn D 200.000đ; bà Hoàng Thị S 500.000đ và bà Nguyễn Thị V3 600.000đ.

- *Đối với số tiền lãi vượt quá mức lãi suất cao nhất theo quy định của Nhà nước mà Lê Hồng P đã thu của người vay số tiền 122.788.043đ, gồm:* Anh Lê Văn Msố tiền 4.589.062đ; chị Phạm Mai A số tiền 1.101.375đ; chị Lê Hoàng Y số tiền 3.304.124đ; anh Tô Văn V số tiền 5.506.874đ; anh Lê Ngọc V1 số tiền 16.202.798đ; anh Phạm Văn D số tiền 51.148.078đ; anh Nguyễn Quốc K số tiền 2.019.187đ; bà Hoàng Thị S số tiền 1.319.160đ; chị Nguyễn Thị H số tiền 6.424.686đ;chị Nguyễn Thị V3 số tiền 7.298.623đ; anh Lê Tuấn A số tiền 3.671.249đ; anh Phạm Văn G số tiền 8.260.311đ; anh Trương Công T số tiền 5.506.874đ; anh Trần Văn H1 số tiền 928.767đ; anh Phạm Văn L số tiền 5.506.874đ. Quá trình điều tra xác định những người vay tiền đều sử dụng tiền vay vào mục đích cá nhân hợp pháp, do vậy, cần buộc P phải trả lại số tiền trên cho những người vay.

* Về thu giữ và xử lý vật chứng:

- Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Pro Max màu tím và chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Realme C1 màu xanh dương của Trần Xuân D1 và Trần Văn T1 giao nộp là tang vật vi phạm hành chính, nên Cơ quan CSĐT Công an huyện Quảng Xương chuyển xử lý tang vật theo hồ sơ xử lý hành chính đối với D1 và T1.

- Đối với chiếc điện thoại Iphone 6S mà Lê Hồng P sử dụng để đăng nhập"Trang tính" Lehongphuc12368@gmail.com, nhắn tin, gọi điện cho số người vay lãi nêu trên. Kết quả điều tra xác định, sau khi phát hiện D1 và T1 bị triệu tập lên Công an huyện Quảng Xương làm việc, P đã đập vỡ và ném chiếc điện thoại trên cùng sim vào thùng rác công cộng ở xã Quảng Đức, huyện Quảng Xương. Cơ quan điều tra đã tiến hành truy tìm vật chứng nhưng không có kết quả.

Tại bản cáo trạng số 54/CT-VKSQX ngày 17/7/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương truy tố bị cáo Lê Hồng P về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện VKSND huyện Quảng Xương giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo như cáo trạng đã nêu và đề nghị HĐXX: Căn cứ khoản 2 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của BLHS. Xử phạt bị cáo Lê Hồng P từ 08 tháng đến 11 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 04/4/2023.

***** Về hình phạt bổ sung: Đề nghị căn cứ khoản 3 Điều 201 BLHS: Phạt bị cáo Lê Hồng P từ 40.000.000đ đến 45.000.000đ.

* Về biện pháp tư pháp: Đề nghị căn cứ khoản 1 Điều 46; điểm a,b khoản 1 Điều 47; Điều 48 BLHS. Điều 5 Nghị quyết 01/2021 ngày 20/12/2021 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 201 BLHS.

- *Đối với số tiền gốc:* Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước tổng số tiền 152.000.000đ là tiền Lê Hồng P sử dụng cho 15 người vay. Cụ thể: Tịch thu của Lê Hồng P số tiền 45.600.000đ anh Nguyễn Quốc K, chị Nguyễn Thị H, chị Nguyễn Thị V3, anh Lê Tuấn A, anh Phạm Văn G, anh Trần Văn H1 đã trả cho P; tịch thu của anh Lê Văn M số tiền còn nợ P là 5.000.000đ; tịch thu của chị Phạm Mai A số tiền còn nợ P là 2.000.000đ; tịch thu của chị Lê Hoàng Y số tiền còn nợ P là 3.000.000đ, tịch thu của anh Tô Văn V số tiền còn nợ P là 5.000.000đ; tịch thu của anh Lê Ngọc V1 số tiền còn nợ P là 35.000.000đ; tịch thu của anh Phạm Văn D số tiền còn nợ P là 10.000.000đ; tịch thu của anh Nguyễn Quốc K số tiền còn nợ P là 3.000.000đ; tịch thu của chị Nguyễn Thị H số tiền còn nợ P là 5.000.000đ; tịch thu của chị Nguyễn Thị V3 số tiền còn nợ P là 8.400.000đ; tịch thu của anh Trương Công T số tiền còn nợ P là 10.000.000đ; tịch thu của anh Phạm Văn L số tiền còn nợ P là 10.000.000đ; tịch thu số tiền của bà Hoàng Thị S còn nợ P là 10.000.000đ.

- *Đối với tiền lãi thu được tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của BLDS*: Tịch thu của Lê Hồng P để sung vào ngân sách Nhà nước tổng số tiền 9.911.957đ là tiền lãi P đã thu được của 15 khách vay (tương ứng với mức lãi suất 20%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự).

- *Đối với số tiền thu bất hợp pháp khác:* Lê Hồng P đã thu tiền phí làm hồ sơ tổng số tiền 1.900.000đ. Cụ thể: Thu của anh Lê Văn M 200.000đ, anh Tô Văn V 200.000đ, anh Lê Ngọc V1 200.000đ, anh Phạm Văn D 200.000đ, bà Hoàng Thị S 500.000đ và chị Nguyễn Thị V3 600.000đ; nhưng thực tế không làm hồ sơ mà hưởng lợi cá nhân. Buộc Lê Hồng P phải trả lại số tiền trên cho anh M, anh V, anh V1, anh D, bà S và chị V3.

- *Đối với số tiền lãi vượt quá mức lãi suất quy định của Nhà nước mà Lê Hồng P đã thu của người vay số tiền 122.788.043đ, gồm:* Anh Lê Văn M số tiền 4.589.062đ; chị Phạm Mai A số tiền 1.101.375đ; chị Lê Hoàng Y số tiền 3.304.124đ; anh Tô Văn V số tiền 5.506.874đ; anh Lê Ngọc V1 số tiền 16.202.798đ; anh Phạm Văn D số tiền 51.148.078đ; anh Nguyễn Quốc K số tiền 2.019.187đ; bà Hoàng Thị S số tiền 1.319.160đ; chị Nguyễn Thị H số tiền 6.424.686đ; chị Nguyễn Thị V3 số tiền 7.298.623đ; anh Lê Tuấn A số tiền 3.671.249đ; anh Phạm Văn G số tiền 8.260.311đ; anh Trương Công T số tiền 5.506.874đ; anh Trần Văn H1 số tiền 928.767đ; anh Phạm Văn L số tiền 5.506.874đ. Buộc Lê Hồng P phải trả lại số tiền trên cho anh M, chị A, chị Y, anh

V, anh V1, anh D, anh K, bà S, chị H, chị V3, anh Tuấn A, anh G, anh T, anh H1, anh L.

* Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Bị cáo nhận tội, không có ý kiến tranh luận, chỉ xin HĐXX xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi và quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Quảng Xương, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục và tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cùng các tài liệu khác phản ánh trong hồ sơ vụ án. Xác định: Xuất phát từ động cơ vụ lợi, trong thời gian từ tháng 03/2021 đến tháng 03/2023; Lê Hồng P đã sử dụng số tiền 178.000.000đ cho 15 người nêu trên vay với lãi suất từ 4.545đ đến 8.667đ/1 triệu/ ngày, tương đương với mức lãi suất 165,893% đến 316,346%/1 năm, gấp từ 8,30 đến 15,82 lần so với mức lãi suất cao nhất được quy định tại Khoản 1, Điều 468 Bộ luật dân sự, nhằm thu số tiền lãi là 155.753.476đ; trong đó số tiền lãi cao nhất theo quy định của các khoản vay là 11.640.659đ, số tiền lãi nhằm thu vượt quá quy định của Bộ luật dân sự là 144.112.817đ. Tổng số tiền thu lời bất chính là 146.012.817đ (trong đó có 144.112.817đ tiền lãi vượt quá mức quy định và 1.900.000đ tiền thu bất hợp pháp (tiền phí hồ sơ). Trong đó xác định: Khoản vay của anh Nguyễn Quốc K vào ngày 30/12/2022, ngày 23/02/2023 là tiền vay từ nguồn tiền cho vay quay vòng của khoản vay ngày 01/7/2022 và ngày 06/02/2023; khoản vay của bà Nguyễn Thị H ngày 04/11/2022 là nguồn tiền cho vay quay vòng của khoản vay ngày 04/9/2022; khoản vay của bà Nguyễn Thị V3 ngày 09/02/2023 là nguồn tiền cho vay quay vòng của khoản vay ngày 02/11/2022; khoản vay của anh Trần Văn H1 ngày 05/9/2022 và ngày 10/01/2023 là nguồn tiền cho vay quay vòng của khoản vay ngày 10/7/2022. Vì

vậy xác định số tiền gốc Lê Hồng P đã sử dụng để cho các khách vay tiền là 152.000.000đ.

HĐXX đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo đủ dấu hiệu cấu thành tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự"; tội danh và khung hình phạt được quy định tại khoản 2 Điều 201 BLHS. Vì vậy Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương truy tố bị cáo về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo quy định tại khoản 1 Điều 201 BLHS là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Đánh giá tính chất của vụ án và nhân thân của bị cáo: Là người có đầy đủ năng lực pháp luật hình sự, ý thức được hành vi cho vay lãi nặng bị pháp luật nghiêm cấm nhưng do muốn thu lời bất chính từ việc cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, bị cáo Lê Hồng P vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, ngoài ra còn ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự xã hội. Hành vi đó làm cho người vay tiền lâm vào hoàn cảnh khó khăn, gây bất bình trong quần chúng nhân dân. Do đó bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự tương ứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện.

[4] Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS của bị cáo:

- Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của BLHS.

- Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Bản thân bị cáo có nhân thân xấu, nhiều lần bị xử phạt hành chính về hành vi xâm phạm sức khỏe người khác, đánh nhau và mua bán tàng trữ pháo nổ.

Xét tính chất của vụ án, nhân thân và các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo HĐXX xét thấy cần phải cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian mới đủ sức giáo dục và phòng ngừa chung.

[5] Về hình phạt bổ sung: Căn cứ khoản 3 Điều 201của BLHS: Phạt bị cáo Lê Hồng P 40.000.000đ.

[6] Về biện pháp tư pháp:

- *Đối với số tiền gốc:* Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước tổng số tiền 152.000.000đ là tiền Lê Hồng P sử dụng cho 15 người vay. Cụ thể: Tịch thu của Lê Hồng P số tiền 45.600.000đ anh Lê Quốc K, chị Nguyễn Thị H, chị Nguyễn Thị V3, anh Lê Tuấn A, anh Phạm Văn G, anh Trần Văn H1 đã trả cho P; tịch thu của anh Lê Văn M số tiền còn nợ P là 5.000.000đ; tịch thu của chị Phạm Mai A số tiền còn nợ P là 2.000.000đ; tịch thu của chị Lê Hoàng Y số tiền còn nợ P là 3.000.000đ, tịch thu của anh Tô Văn V số tiền còn nợ P là 5.000.000đ; tịch thu của anh Lê Ngọc V1 số tiền còn nợ P là 35.000.000đ; tịch thu của anh

Phạm Văn D số tiền còn nợ P là 10.000.000đ; tịch thu của anh Nguyễn Quốc K số tiền còn nợ P là 3.000.000đ; tịch thu của chị Nguyễn Thị H số tiền còn nợ P là 5.000.000đ; tịch thu của chị Nguyễn Thị V3 số tiền còn nợ P là 8.400.000đ; tịch thu của anh Trương Công T số tiền còn nợ P là 10.000.000đ; tịch thu của anh Phạm Văn L số tiền còn nợ P là 10.000.000đ; tịch thu của bà Hoàng Thị S số tiền còn nợ P là 10.000.000đ.

- *Đối với tiền lãi thu được tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của BLDS*: Tịch thu của Lê Hồng P để sung vào ngân sách Nhà nước tổng số tiền 9.911.957đ là tiền lãi P đã thu được của 15 khách vay (tương ứng với mức lãi suất 20%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự).

- *Đối với số tiền thu bất hợp pháp khác:* Lê Hồng P đã thu tiền phí làm hồ sơ tổng số tiền 1.900.000đ. Cụ thể: P đã thu của anh Lê Văn M 200.000đ, anh Tô Văn V 200.000đ, anh Lê Ngọc V1 200.000đ, anh Phạm Văn D 200.000đ, bà Hoàng Thị S 500.000đ và chị Nguyễn Thị V3 600.000đ; nhưng thực tế không làm hồ sơ mà hưởng lợi cá nhân. Buộc Lê Hồng P phải trả lại số tiền trên cho anh M, anh V, anh V1, anh D, bà S và chị V3.

- *Đối với số tiền lãi vượt quá mức lãi suất quy định của Nhà nước mà Lê Hồng P đã thu của người vay số tiền 122.788.043đ, gồm:* Anh Lê Văn M số tiền 4.589.062đ; chị Phạm Mai A số tiền 1.101.375đ; chị Lê Hoàng Y số tiền 3.304.124đ; anh Tô Văn V số tiền 5.506.874đ; anh Lê Ngọc V1 số tiền 16.202.798đ; anh Phạm Văn D số tiền 51.148.078đ; anh Nguyễn Quốc K số tiền 2.019.187đ; bà Hoàng Thị S số tiền 1.319.160đ; chị Nguyễn Thị H số tiền 6.424.686đ; chị Nguyễn Thị V3 số tiền 7.298.623đ; anh Lê Tuấn A số tiền 3.671.249đ; anh Phạm Văn G số tiền 8.260.311đ; anh Trương Công T số tiền 5.506.874đ; anh Trần Văn H1 số tiền 928.767đ; anh Phạm Văn L số tiền 5.506.874đ. Buộc Lê Hồng P phải trả lại số tiền trên cho anh M, chị A, chị Y, anh V, anh V1, anh D, anh K, bà S, chị H, chị V3, anh Tuấn A, anh G, anh T, anh H1 và anh L.

[7] Về án phí: Bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 201; điểm s, i khoản 1 Điều 51; Điều 38 của BLHS.

Tuyên bố: Bị cáo Lê Hồng P phạm tội "*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*".

Xử phạt: Bị cáo Lê Hồng P 08 (*Tám*) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 04/4/2023.

- Về hình phạt bổ sung: Căn cứ khoản 3 Điều 201của BLHS: Phạt bị cáo Lê Hồng P 40.000.000đ (*Bốn mươi triệu đồng*).

- Về biện pháp tư pháp: Căn cứ khoản 1 Điều 46; điểm a,b khoản 1 Điều 47; Điều 48 BLHS. Điều 5 Nghị quyết 01/2021 ngày 20/12/2021 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 201 BLHS.

Đối với số tiền gốc: Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 152.000.000đ là tiền Lê Hồng P sử dụng cho 15 người vay. Cụ thể:

Tịch thu của Lê Hồng P số tiền 45.600.000đ anh Lê Quốc K, chị Nguyễn Thị H, chị Nguyễn Thị V3, anh Lê Tuấn A, anh Phạm Văn G, anh Trần Văn H1 đã trả cho P; tịch thu của anh Lê Văn M số tiền còn nợ P là 5.000.000đ; tịch thu của chị Phạm Mai A số tiền còn nợ P là 2.000.000đ; tịch thu của chị Lê Hoàng Y số tiền còn nợ P là 3.000.000đ, tịch thu của anh Tô Văn V số tiền còn nợ P là 5.000.000đ; tịch thu của anh Lê Ngọc V1 số tiền còn nợ P là 35.000.000đ; tịch thu của anh Phạm Văn D số tiền còn nợ P là 10.000.000đ; tịch thu của anh Nguyễn Quốc K số tiền còn nợ P là 3.000.000đ; tịch thu của chị Nguyễn Thị H số tiền còn nợ P là 5.000.000đ; tịch thu của chị Nguyễn Thị V3 số tiền còn nợ P là 8.400.000đ; tịch thu của anh Trương Công T số tiền còn nợ P là 10.000.000đ; tịch thu của anh Phạm Văn L số tiền còn nợ P là 10.000.000đ; tịch thu của bà Hoàng Thị S số tiền còn nợ P là 10.000.000đ.

Đối với tiền lãi thu được tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của BLDS: Tịch thu của Lê Hồng P để sung vào ngân sách Nhà nước tổng số tiền 9.911.957đ là tiền lãi P đã thu được của 15 khách vay (tương ứng với mức lãi suất 20%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự).

Đối với số tiền thu bất hợp pháp khác (là tiền P đã thu phí làm hồ sơ): Buộc Lê Hồng P phải trả cho anh Lê Văn M 200.000đ, trả cho anh Tô Văn V 200.000đ, trả cho anh Lê Ngọc V1 200.000đ, trả cho anh Phạm Văn D 200.000đ, trả cho bà Hoàng Thị S 500.000đ và trả cho chị Nguyễn Thị V3 600.000đ.

Đối với số tiền lãi vượt quá mức lãi suất quy định của Nhà nước mà Lê Hồng P đã thu của người vay số tiền 122.788.043đ.

Buộc Lê Hồng P phải trả lại gồm: Trả cho anh Lê Văn M số tiền 4.589.062đ; trả cho chị Phạm Mai A số tiền 1.101.375đ; trả cho chị Lê Hoàng Y số tiền 3.304.124đ; trả cho anh Tô Văn V số tiền 5.506.874đ; trả cho anh Lê Ngọc V1 số tiền 16.202.798đ; trả cho anh Phạm Văn D số tiền 51.148.078đ; trả cho anh Nguyễn Quốc K số tiền 2.019.187đ; trả cho bà Hoàng Thị S số tiền 1.319.160đ; trả cho chị Nguyễn Thị H số tiền 6.424.686đ; trả cho chị Nguyễn Thị V3 số tiền 7.298.623đ; trả cho anh Lê Tuấn A số tiền 3.671.249đ; trả cho anh Phạm Văn G số tiền 8.260.311đ; trả cho anh Trương Công T số tiền

5.506.874đ; trả cho anh Trần Văn H1 số tiền 928.767đ; trả cho anh Phạm Văn L số tiền 5.506.874đ.

- Về án phí: Căn cứ Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự. Điểm a khoản 1 Điều 3; khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án; Mục 1 phần I Danh mục mức án phí, lệ phí Toà án ban hành kèm theo Nghị Quyết.

Bị cáo Lê Hồng P phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Thanh Hóa;*
- *VKSND H Quảng Xương;*
- *THADS huyện Quảng Xương;*
- *Công an huyện Quảng Xương;*
- *Bị cáo;*
- *Người có QLNVLQ;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Đào Thị Thu Thủy